TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngyễn Thị Lại

Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 15/8/1991; Căn cước công dân số 0240 9101 7172 cấp ngày 25/6/2021; Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị B, sinh ngày 10/12/1995; chứng minh nhân dân số 122197953; Nơi thường trú: Tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ở hiện nay: Xóm Đ, thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Bích kết H tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 17/01/2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị B về ở cùng gia đình nhà anh tại thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố X,

phường T, tỉnh Bắc Ninh). Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2023 khi chị B sinh con thứ 3, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng anh, chị mỗi người ngủ một phòng, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Khoảng tháng 8 năm 2025, chị B chuyển về sinh sống tại gia đình nhà đẻ ở xã H, tỉnh Bắc Ninh, từ đó đến nay hai vợ chồng không quan tâm tới nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Bích .

Về con chung: Anh và chị B có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/6/2014; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/12/2016 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2022. Hiện nay, các con chung của anh chị vẫn đang sinh sống cùng anh tại tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao 03 con chung Nguyễn Hoàng Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H1 và Nguyễn Thị Thu P cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để các cháu tiện cho việc học hành, sinh hoạt cuộc sống. Hiện nay anh đang làm việc tại công ty TNHH C có đại chỉ ở Lô M, Lô F và Lô T, khu Công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập dao động từ khoảng 15.000.000 đồng/01 tháng đến 17.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian anh đi làm, ở nhà vẫn có mẹ đẻ giúp anh trông nom, chăm sóc các con chung của anh và chị B. Anh đảm bảo được chỗ ở ổn định, điều kiện vật chất và tinh thần để các con chung được phát triển tốt nhất. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị B trình bày:* Chị xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị có chung sống cùng nhau ở nhà anh Đ tại thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc chung sống hạnh phúc. Năm 2022, sau khi có con thứ 3, tình cảm vợ chồng bắt đầu lạnh nhạt dần và phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ chị chăm sóc con nhỏ. Mặc dù ở cùng nhà nhưng từ năm 2022 hai vợ chồng đã không ngủ cùng phòng, không quan tâm chăm sóc tới nhau. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng một phần do hai vợ chồng không tin tưởng nhau và không có tiếng nói chung, một phần do chị và mẹ chồng không hợp nhau nên ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng. Tháng 08 năm 2025, sau khi chị và anh Đ có mâu thuẫn cãi nhau, mẹ chồng chị mang quần áo của chị gửi chị về gia đình nhà đẻ ở xóm Đ, thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Từ đó đến nay chi không quay về chung sống cùng

anh Đ. Chị xác định tình cảm với chồng giữa chị và anh Đ vẫn còn nên anh Đ xin ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn với anh Đ. Chị mong muốn anh Đ rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/6/2014; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/12/2016 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2022. Hiện nay, các con chung vẫn đang sinh sống cùng anh Đ tại tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Trong trường hợp anh Đ kiên quyết ly hôn, chị nhất trí giao cả 03 con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để các cháu tiện cho việc học hành. Trường hợp Tòa án giao cả 03 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng thì chị và anh Đ sẽ tự thỏa thuận, thống nhất về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả xác minh, địa phương cung cấp:* Anh Đ kết hôn với chị B vào năm 2012, khi kết hôn gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh Đ, chị B về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại địa phương, vợ chồng chung sống hòa thuận, bảo ban nhau làm ăn sinh sống và có 03 con chung, cháu nhỏ nhất sinh năm 2022. Tháng 8 năm 2025 do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị B về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị B và anh Đ hiện đã ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh Đ và chị B địa phương chưa nắm được do anh chị không báo cáo chính quyền địa phương để tổ chức hòa giải. Từ khi chị B bỏ về nhà đẻ, các con chung của anh Đ chị B vẫn do anh Đ cùng gia đình anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện anh Đ vẫn chung sống với bố mẹ đẻ của anh Đ tại tổ dân phố X, phường T. Bố mẹ anh Đ vẫn khỏe, vẫn lao động và có thu nhập. Thời gian anh Đ đi làm, mẹ đẻ anh Đ vẫn đưa đón các con chung của anh Đ, chị B đi học và chăm lo cơm, nước, sinh hoạt cho các cháu. Về điều kiện kinh tế, anh Đ hiện ở cùng nhà của bố mẹ đẻ, đang đi làm tại Công ty TNHH C, có thu nhập ổn định. Các con chung của anh Đ, chị B hiện nay vẫn ở cùng gia đình anh Đ, khỏe mạnh và học tập bình thường.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị B vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị B, lời khai của các con chung trên 7 tuổi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Đ được ly hôn chị Phạm Thị Bích

+ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/6/2014; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/12/2016 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2022

Chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

+ Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự thị tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ án phí.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Xuân Đ là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị B, chị B có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/ UBTVQH15 ngày

27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Đ và chị Phạm Thị Bích kết H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 17/01/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị B đều xác định vợ chồng có những bất đồng trong quan điểm sống nên hay xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh chị sống chung nhà nhưng đã ngủ riêng nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không còn quan tâm chăm sóc nhau như trước. Hiện nay chị B đang sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ chị và ly thân với anh Đ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Chị B không đồng ý ly hôn với anh Đ và mong muốn anh Đ rút đơn, vợ chồng về đoàn tụ chung sống cùng nhau nhưng từ khi anh Đ làm đơn xin ly hôn, sau khi Tòa án hòa giải đến nay chị B không có biện pháp nào để cải thiện và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án xác minh tại địa phương, theo chính quyền tổ dân phố X, phường T, địa phương xác nhận anh Đ và chị B quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ chị B sinh sống, ly thân với anh Đ từ tháng 8/2025 đến nay.

Từ những căn cứ trên, HĐXX xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Xuân Đ được ly hôn với chị Phạm Thị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh Đ chị B có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/6/2014; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/12/2016 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2022, hiện các cháu đang ở cùng với anh Đ tại nhà bố mẹ đẻ anh ở tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Nay anh Đ và chị B đều thống nhất giao cả 03 con chung Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/6/2014; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/12/2016 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2022 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Hoàng Ngọc A và cháu Nguyễn Thị Thu H1. Cháu Ngọc A và cháu H1 đều có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được ở cùng bố. Anh Đ cung cấp

bảng lương chứng minh hiện nay anh Đ đang đi làm có thu nhập ổn định, đảm bảo chi phí sinh hoạt cho các con chung. Tòa án xác minh với chính quyền tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh cho thấy anh Đ có đầy đủ điều kiện về chỗ ở, về vật chất, tinh thần đảm bảo chăm sóc tốt cho các con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận thống nhất của anh Đ, chị B về việc giao cả 03 con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là ý chí tự nguyện của các bên, không bị ai ép buộc, xúi giục. Thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận ý kiến của các đương sự, giao cho anh Đ trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Nguyễn Hoàng Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu P là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình,

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ, chị B không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về tài tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ, chị B đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Do yêu cầu xin ly hôn của anh Đ được chấp nhận nên anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Anh Đ có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị B vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 235,

Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/ UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Đ được ly hôn chị Phạm Thị Bích .

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/6/2014; Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/12/2016 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2022

Chị Phạm Thị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001936 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Chi